



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 Nguyễn Văn Luông, phường 11, quận 6,
thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 37555259

Website: www.Hotec.edu.vn; Email: ktkthcm@hotec.edu.vn

SỔ TAY BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Ban hành lần: 07

Hiệu lực từ ngày: 27/12/2024

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2024



THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang/ phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/ sửa đổi	Ngày ban hành
1	I. Mục 1-3 chủ chốt	Sửa đổi tên các đơn vị; danh sách cán bộ	07	27/12/2024
2	II. Phạm vi áp dụng	Tách đơn vị	07	27/12/2024
3	IV. Danh mục Hệ thống các tài liệu	Danh mục hệ thống quy định có hủy bỏ và bổ sung	07	27/12/2024

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên Tiếng Anh: HO CHI MINH CITY TECHNICAL AND ECONOMIC COLLEGE

Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: 215 Nguyễn Văn Luông, P11, Q 6, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở 1: 215 Nguyễn Văn Luông, P11, Q6, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 028- 37555259;

Cơ sở 2: 7/10 ấp 1, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

Email: ktkthcm@hotec.edu.vn; Website: www.hotec.edu.vn

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1998

- Năm nâng cấp thành trường cao đẳng: 2008

- Năm đổi tên trường: 2014

Loại hình trường: Công lập ☒ ; Tư thực ☐

2. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Trường cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh tiền thân là trường Trung học nghề Phú Lâm được thành lập ngày 21/10/1998 theo quyết định số 5574/QĐ-UB-VX của UBND thành phố Hồ Chí Minh; đến năm 1999 được đổi tên thành Trường Trung học Kỹ thuật Nghiệp vụ Phú Lâm theo Quyết định số 2813/QĐ-UB-VX ngày 17/05/1999 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; tháng 04 năm 2008 Trường được nâng cấp lên Cao đẳng với tên gọi Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Lâm theo Quyết định số 1974/QĐ-BGD-ĐT ngày 09/04/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đến tháng 10/2014, Trường được đổi tên thành trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 4832/QĐ-BGDĐT ngày 24/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trải qua 26 năm hình thành phát triển, Trường cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HOTECH) được biết đến là Trường Cao đẳng công lập của Thành phố, đào tạo 2 khối ngành Kinh tế và Kỹ thuật. Là nơi cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. HOTECH tự hào mang đến cho học sinh, sinh viên (HSSV) một môi trường học tập hiện đại, chuyên nghiệp và thân thiện. Với tinh thần đoàn kết, gắn bó trong nội bộ, phát huy ý thức trách nhiệm và vai trò của từng thành viên, Nhà trường đã từng bước đổi mới một cách mạnh mẽ và toàn diện, cả bề rộng và chiều sâu thể hiện rõ trên nhiều lĩnh vực, cụ thể như: không ngừng phát triển về ngành, nghề đào tạo, quy mô đào tạo; chú trọng công tác phát triển ngành nghề mới; đầu tư mạnh mẽ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên nhằm tiếp cận, tích lũy kinh nghiệm giảng dạy đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội theo xu thế cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang có tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến các nước trên thế giới.

Trường đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành Quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/11/2019 chọn 05 ngành trọng điểm cấp độ Quốc tế, Khu vực ASEAN, Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025, cụ thể:

STT	Tên ngành/ngành	Trình độ đào tạo	Cấp độ
1	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	Cao đẳng	Quốc tế
2	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	Cao đẳng	Khu vực ASEAN
3	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Cao đẳng	Khu vực ASEAN

STT	Tên ngành/ngành	Trình độ đào tạo	Cấp độ
4	Điện Công nghiệp và dân dụng	Trung cấp	Quốc gia
5	Quản trị Mạng máy tính	Trung cấp	Quốc gia

Năm 2017, Trường vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng 3 của Chủ tịch nước nhờ những đóng góp trong sự nghiệp giáo dục, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tháng 9/2020 Trường đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh đầu tư 200 tỷ đồng khởi công xây dựng Cơ sở 2 với diện tích 4,6 hecta tại Huyện Nhà Bè, hướng đến Trung tâm thực hành Công nghệ cao của Trường, nhằm đáp ứng yêu cầu thực hành thực tập cho hơn 5.000 HSSV. Đã đưa vào hoạt động đào tạo từ tháng 9/2022.

Tháng 12 năm 2020, Trường đạt kiểm định chất lượng GDNN theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN (đạt 93/100 điểm), được Công ty Cổ phần Kiểm định và Tư vấn Giáo dục Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp theo Quyết định số 115/QĐ-KĐGDVN ngày 25 tháng 12 năm 2020.

Song song với công tác Kiểm định chất lượng, nhà trường cũng đổi mới công tác quản lý, triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, được đánh giá, cấp chứng nhận cấp Quốc tế và Việt Nam năm 2012 và tiếp tục vận hành đánh giá giám sát và duy trì qua các năm. Từ hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, nhà trường phát triển thành **hệ thống bảo đảm chất lượng** theo Thông tư số 28/2017/TT - BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 thông tư quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp. Trải qua quá trình vận hành hệ thống Đảm bảo chất lượng, cùng với công tác Kiểm định chất lượng giáo dục, **văn hóa chất lượng trong nhà trường được hình thành.**

Nhà trường được Sở Lao động Thương binh và Xã hội thống nhất bổ sung vào danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung đồng bộ theo tiêu chí trường chất lượng cao, nghề trọng điểm và trường lựa chọn nghề trọng điểm đến năm 2020 theo công văn số 20833/SLĐTBXH - DN của Giám đốc ngày 10 tháng 8 năm 2017. Đây là cơ hội, cũng là thách thức để nhà trường không ngừng nỗ lực, phát triển trong xu thế hội nhập ngày nay, khẳng định thương hiệu chất lượng của nhà trường trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, góp phần vào phát triển giáo dục trong cả nước. Trải qua quá trình vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng, cùng với công tác Kiểm định chất lượng giáo dục, **văn hóa chất lượng trong nhà**

trường được hình thành. Con người là nhân tố quyết định cho mọi sự phát triển, do vậy, trong những năm qua nhà trường không ngừng chăm lo xây dựng và phát triển đội ngũ CB-GV-NV được nâng cao cả về chất lượng và số lượng.

Hiện tại Trường có 07 phòng, 08 khoa, 01 trung tâm và trạm y tế, cơ cấu tổ chức hoạt động của nhà trường được phân cấp rõ ràng về chức năng phù hợp với cơ cấu ngành nghề đào tạo và mục tiêu của nhà trường. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh, chữ thập đỏ. Có các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường thực hiện đúng theo điều lệ, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

Qua 26 năm hình thành và phát triển, tiên phong trong lĩnh vực đào tạo nghề tại thành phố Hồ Chí Minh, Trường đã vinh dự được Thủ tướng chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh tặng nhiều Bằng khen và Cờ thi đua xuất sắc. Cụ thể:

- **Về khen thưởng:**

Năm học	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2011 - 2012	Bằng khen	Quyết định số 1778/QĐ-BGDĐT ngày 11/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2015 - 2016	Huân chương lao động	Quyết định số 505/QĐ-CTN ngày 13/3/2017 của Chủ tịch nước.
2017 - 2018	Bằng khen	Quyết định số 76/QĐUB ngày 09/01/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tặng Bằng khen đối với các tập thể, cá nhân đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm học liên tục (2015 – 2016, 2016 – 2017).
2018 - 2019	Bằng khen	Quyết định số 22174/QĐ-SLĐTBXH ngày 12/7/2019 của Sở Lao động Thương Binh và xã hội đạt giải 3 tập thể tại Hội thi thiết bị tự làm cấp thành phố năm 2019
2020 - 2021	Bằng khen	Quyết định số 3651/QĐ-UBND ngày 22/10/ 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tặng Bằng khen đối với các tập thể, cá nhân đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm học liên tục

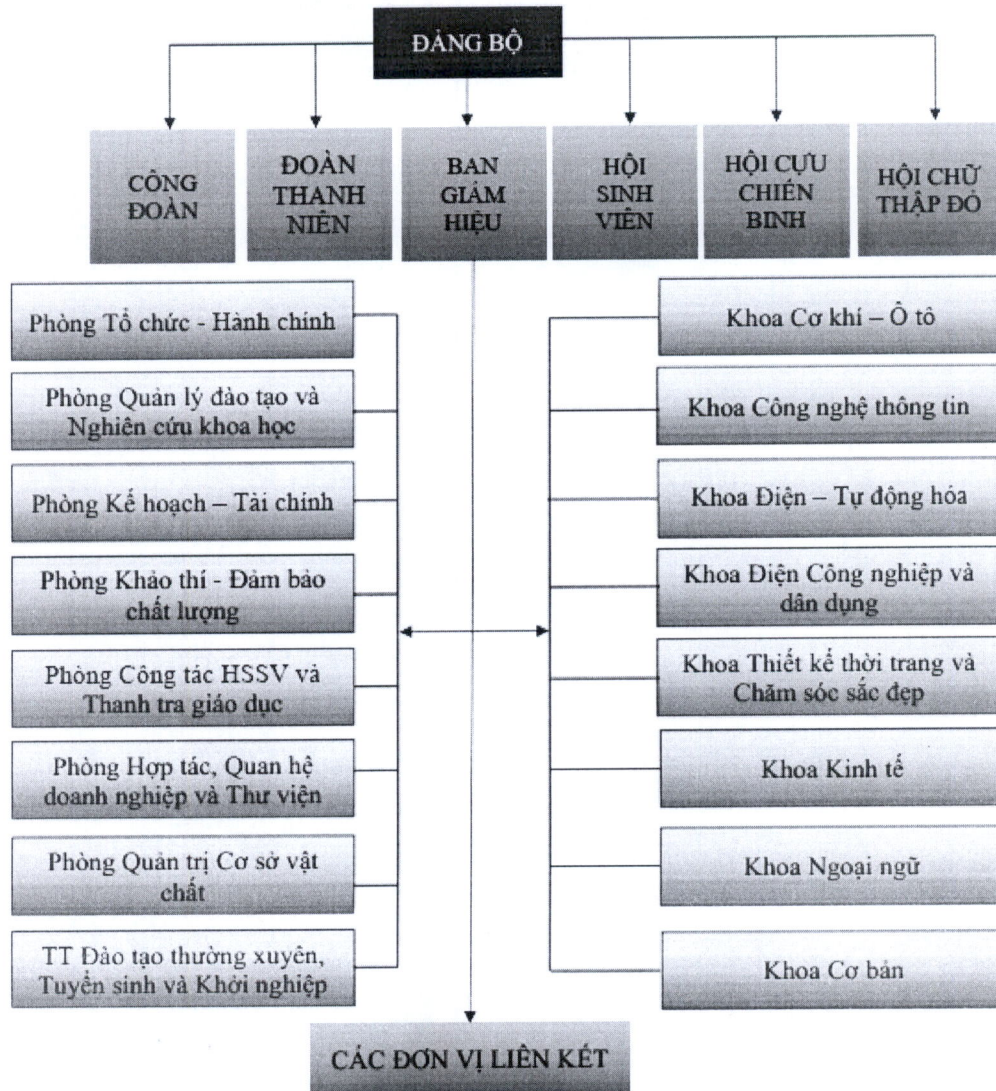
Năm học	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
		(2019 - 2020, 2020 - 2021);

- Về danh hiệu thi đua tập thể:

Năm học	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận; cơ quan ban hành quyết định
2017 - 2018	Cờ truyền thống	Quyết định số 3610/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của UBND TP. HCM
2017 - 2018	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số 3380/QĐ- UBND ngày 13/8/2018 của UBND TP. HCM
2018 - 2019	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số 3822/TB-SNV ngày 09/9/2019 của Sở Nội vụ
2019 - 2020	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND TP. HCM
2020 - 2021	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND TP. HCM
2021 - 2022	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND TP. HCM
2023-2024	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số 5379/QĐ-UBND ngày 25/1/2024 của UBND TP. HCM

**3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật
Thành phố Hồ Chí Minh**

*** Sơ đồ tổ chức**



* **Tổ chức nhân sự:**

- Tổng số CB- GV- NV (cơ hữu 12/2024): 196 người
- + Ban giám hiệu: 02 người
- + Cán bộ quản lý phòng, trung tâm (trưởng/ phó đơn vị): 17 người
- + Cán bộ quản lý Khoa, Bộ môn: 18 người
- + Giảng viên: 144 người (bao gồm GV giữ chức vụ quản lý và khối văn phòng)
- + Nhân viên: 50 người
- **Danh sách cán bộ chủ chốt của nhà trường:**

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Khê Văn Mạnh	20/07/1967	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
	Phan Văn Thanh Cần	26/08/1965	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
2. Trưởng các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh, Hội Sinh viên, Hội Chữ Thập đỏ				
Đảng Bộ	Khê Văn Mạnh	20/07/1967	Thạc sĩ	Bí thư
Đoàn TN	Nguyễn Ngọc Kim Phương	26/06/1993	Thạc sĩ	Bí thư
Công đoàn	Phạm Thanh Bình	30/05/1983	Thạc sĩ	Chủ tịch
Hội Cựu chiến binh	Lê Thành Nhân	06/10/1980	Thạc sĩ	Chủ tịch
Hội sinh viên	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	17/02/1994	Cao đẳng	Chủ tịch
Hội Chữ Thập đỏ	Nguyễn Ngọc Kim Phương	26/06/1993	Thạc sĩ	Chủ tịch
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng Tổ chức - Hành chính	Trần Thị Kim Phượng	22/01/1981	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Quản lý Đào tạo và NCKH	Nguyễn Văn Kiên	25/06/1983	Thạc sĩ	P. Trưởng phòng
Phòng Kế hoạch – Tài chính	Lê Nguyễn Trường An	05/2/1990	Thạc sĩ	P. Trưởng phòng
Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Nguyễn Phan Khánh Tâm	25/10/1980	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Công tác học sinh, sinh viên và Thanh tra giáo dục	Lê Thị Hiền	18/06/1984	Tiến sĩ	Trưởng phòng
Phòng Quản trị Cơ sở vật chất	Đặng Đức Dũng	22/12/1980	Thạc sĩ	Trưởng phòng

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
Phòng Hợp tác, Quan hệ doanh nghiệp và Thư viện	Lê Thanh Sơn	05/02/1978	Thạc sĩ	Trưởng phòng
4. Trưởng trung tâm, trạm trực thuộc				
Trung tâm Đào tạo thường xuyên, Tuyển sinh và Khởi nghiệp	Huỳnh Thị Tuyết Hồng	06/10/1978	Thạc sĩ	Giám đốc
5. Trưởng các khoa				
Khoa Công nghệ thông tin	Đỗ Đăng Nguyệt Hằng	13/12/1978	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Cơ bản	Phạm Thanh Bình	30/05/1983	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế	Nguyễn Hoàng Anh	18/04/1982	Thạc sĩ	Phụ trách/Phó Trưởng khoa
Khoa Ngoại ngữ	Phạm Thị Thu Thảo	16/11/1979	Thạc sĩ	Phụ trách/Phó Trưởng khoa
Khoa Cơ khí – Ô tô	Hồ Văn Nhất	18/10/1972	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Điện Công nghiệp và dân dụng	Nguyễn Quang Nguyên	29/10/1981	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Điện – Tự động hóa	Phạm Thanh Hải	06/03/1979	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Thiết kế thời trang và Chăm sóc sắc đẹp	Nguyễn Thị Tú Trinh	12/02/1976	Tiến sĩ	Phó Trưởng khoa

- Đội ngũ giảng viên: 144 trong đó

+ Nam: 72 người

+ Cơ hữu: 144 người

+ Nữ: 72 người

+ Thỉnh giảng: 57 người

Đội ngũ giảng viên			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	0	3	3
Thạc sĩ	52	57	111
Đại học	18	12	30
Tổng số	72	72	144

4. Các nghề đào tạo, quy mô tuyển sinh và quy mô đào tạo của trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

- Ngành nghề đào tạo, quy mô tuyển sinh:

STT	Tên ngành	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Ghi chú
I	TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG:			
1	Tiếng Anh	6220206	150	
2	Quản trị kinh doanh	6340404	170	
3	Tài chính - Ngân hàng	6340202	50	
4	Kế toán	6340301	180	
5	Hệ thống thông tin	6320201	30	
6	Công nghệ thông tin	6480201	150	
7	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	6510201	60	
8	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	6510304	30	
9	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	6510202	150	
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	70	
11	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	6510312	30	
12	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển - tự động hóa	6510305	30	
13	Tài chính doanh nghiệp	6340201	40	

14	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	6810101	30	
15	Marketing	6340116	30	
16	Công nghệ May	6540204	30	
17	May Thời trang	6540205	30	
18	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	30	
19	Thiết kế trang web	6480214	30	
20	Quản lý tòa nhà	6340434	30	
21	Logistic	6340113	35	
22	Quản lý siêu thị	6340443	35	
23	Quản trị khách sạn	6810201	35	
24	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	35	
	Cộng Cao đẳng:		1.490	
II	TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP			
1	Điện tử dân dụng	5520224	30	
2	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	150	
3	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	5510312	30	
4	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	5510211	60	
5	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	5510304	30	
6	Bảo trì và sửa chữa ô tô	5520159	165	
7	Cơ khí chế tạo	5520117	90	
8	Tin học ứng dụng	5480205	90	
9	Thiết kế và quản lý website	5480215	60	
10	Quản trị mạng máy tính	5480209	30	
11	Kế toán doanh nghiệp	5340302	110	
12	Công nghệ may	5540204	90	



13	Tài chính doanh nghiệp	5340201	30	
14	Bảo trì và sửa chữa khung, vỏ ô tô	5520160	35	
15	Chăm sóc sắc đẹp	5810404	35	
	Cộng Trung cấp:		1.085	
	Tổng cộng:		2.575	

Ghi chú: Quy mô tuyển sinh trên đã bao gồm quy mô tuyển sinh của hai cơ sở liên kết.

- Quy mô đào tạo: tính đến ngày 31/12 hàng năm

Trình độ đào tạo	Năm				
	2020	2021	2022	2023	2024
Cao đẳng	2675	2190	1970	1723	1967
Trung cấp	2163	2279	2551	2871	2913
Tổng cộng	4838	4469	4521	4504	4880

5. Cơ sở vật chất, tài chính

5.1. Cơ sở vật chất: (tính đến 12/2024)

Trụ sở 1: 215- 217 Nguyễn Văn Luông, P11, Q 6, TP. Hồ Chí Minh

- Tổng diện tích đất: 23.455,9 m², trong đó diện tích xây dựng: 13.480 m² và diện tích cây xanh, lưu không: 9.977,5 m²

Trụ sở 2: 7/10 Ấp 1, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

- Tổng diện tích đất: 46.633,40 m², trong đó diện tích xây dựng: 7.158,5 m² và diện tích cây xanh, lưu không: 39.474,90 m²

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Tổng diện tích hạng mục công trình (diện tích đang sử dụng - m²)				
- Khu hiệu bộ	648,50	1.460,50	1.460,50	1.460,50
- Phòng học lý thuyết	4.032,60	8.366,20	8.366,20	8.366,20

- Phòng học thực hành	3.948,40	4.588,40	4.588,40	4.588,40
- Khu phục vụ				
+ Thư viện	331,50	1.081,50	1.081,50	1.081,5
+ Ký túc xá	0	209,20	209,20	209,20
+ Nhà ăn	145,90	145,90	145,90	145,90
+ Trạm y tế	138,60	27,72	27,72	27,72
+ Khu thể thao	4.077,00	4.077,00	4.077,00	4.077,00
- Hội trường	1.147,00	1.847,00	1.847,00	1.847,00
2. Tổng số máy tính của trường:	1.049	1.230	1.230	1.034
- Dùng cho văn phòng	124	159	159	162
- Dùng cho HSSV học tập	761	910	910	724

5.2. Thư viện:

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Tổng số sách của trường:	3.938	3.938	3.270	3.270
Trong đó, số đầu sách chuyên ngành:	2.698	2.698	2.318	2.318
2. Tổng số máy tính của trường:	1.049	1.230	1.230	1.034
- Dùng cho văn phòng	124	159	159	162

5.3. Tài chính:

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Nguồn thu	68.866	82.871	86.785	109.564
NSNN cấp	48.664	55.812	61.031	82.765
Thu học phí	17.352	20.545	21.849	23.949
ODA	0	0	0	0
Nguồn khác và thu dịch vụ	2.850	6.514	3.905	2.850
2. Tổng chi	66.923	79.182	78.595	109.564
3. Chi từ ngân sách	46.721	52.123	53.877	82.765
4. Chi từ nguồn học phí	17.352	20.545	20.813	23.949
5. Chi từ dịch vụ và thu khác	2.850	6.514	3.905	2.850

II. PHẠM VI ÁP DỤNG:

1. Quy mô áp dụng:

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành Phố Hồ Chí Minh áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001- 2008, phiên bản năm 2008 do Tổ chức Quốc tế về Tiêu chuẩn hóa I.S.O ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2008. Từ việc áp dụng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001- 2008, nhà trường kiện toàn xây dựng và phát phát triển hệ thống Đảm bảo chất lượng theo thông tư số 28/2017/TT - BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Quy mô áp dụng hệ thống Bảo đảm chất lượng:

- | | |
|-------------------------------|-----------------------|
| a. Phòng Tổ chức - Hành chính | i. Khoa CNTT |
| b. Phòng QL Đào tạo & NCKH | j. Khoa Cơ bản |
| c. Phòng Quản trị CSVC | k. Khoa Ngoại ngữ |
| d. Phòng Khảo thí & ĐBCL | l. Khoa TKTT & CSSĐ |
| e. Phòng CTHSSV & TTrGD | m. Khoa Kinh tế |
| f. Phòng HT, QHDN & TV | n. Khoa Cơ khí – Ô tô |
| g. Phòng Kế hoạch – Tài chính | o. Khoa Điện CN & DD |
| h. Trung tâm ĐTTX, TS & KN | p. Khoa Điện - TĐH |

2. Lĩnh vực áp dụng:

Hệ thống bảo đảm chất lượng của trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng trên các lĩnh vực sau: Đào tạo & Nghiên cứu khoa học, Tổ chức - Hành chính, công tác HSSV và Thanh tra Giáo dục, Quản trị cơ sở vật chất, Kế hoạch - Tài chính, Khảo thí & ĐBCL, Hợp tác quan hệ doanh nghiệp, Đào tạo thường xuyên, Tuyển sinh và một số công tác khác của nhà trường.

Nội dung áp dụng:

- 2.1 Sứ mạng và mục tiêu phát triển;
- 2.2 Chính sách và mục tiêu chất lượng;
- 2.3 Bảng kê các VB pháp quy liên quan đến việc quản lý và đào tạo của Trường;
- 2.4 Bảng kê các văn bản do Trường ban hành nhằm phục vụ công tác quản lý điều hành nội bộ, kể cả các quy trình, thủ tục liên quan;
- 2.5 Bảng phân công trách nhiệm thực hiện các yêu cầu;
- 2.6 Bảng kê các mẫu biểu do các đơn vị xây dựng và áp dụng nhằm phục vụ công tác tổ chức, hoạt động của đơn vị;
- 2.7 Quy định về trách nhiệm và quyền hạn từng chức danh tại các đơn vị;
- 2.8 Bảng tổng hợp năng lực của giảng viên ứng với từng bậc - ngành đào tạo;
- 2.9 Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra ứng với từng ngành đào tạo của Trường.
- 2.10 Các biểu mẫu thực hiện sáu thủ tục bắt buộc

III. QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH VÀ MÔ TẢ MỐI LIÊN HỆ

1. Nội dung của các lĩnh vực quản lý chất lượng:

Trường xây dựng, lập văn bản, thực hiện, duy trì hệ thống quản lý chất lượng và cam kết thường xuyên nâng cao hiệu lực của hệ thống quản lý này bằng cách:

- Xác định các quá trình cần thiết trong hệ thống quản lý chất lượng liên quan đến các hoạt động đào tạo và áp dụng chúng đối với tất cả các đơn vị trực thuộc;

- Xác định trình tự và mối tương tác của các quá trình này;

- Xác định các tiêu chuẩn và phương pháp cần thiết để đảm bảo việc tác nghiệp, kiểm soát và đảm bảo các quá trình này có hiệu lực;

- Đảm bảo các nguồn lực (tài chính, nhân lực, cơ sở hạ tầng – kỹ thuật, môi trường làm việc) và các điều kiện cần thiết hỗ trợ hoạt động tác nghiệp và theo dõi các quá trình này;

- Đo lường, theo dõi và phân tích các quá trình này;

- Thực hiện các hành động khắc phục, phòng ngừa cần thiết để đạt được kết quả, chất lượng đã cam kết với khách hàng và cải tiến liên tục các quá trình này;

- Quản lý các quá trình này trên cơ sở các yêu cầu của tiêu chuẩn thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017. Căn cứ Bảng trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng, các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung công việc tương ứng.

Khi Trường sử dụng nguồn lực bên ngoài ảnh hưởng đến sự phù hợp hoặc chất lượng của các hệ ngành đào tạo, phải đảm bảo nhận biết và kiểm soát được những quá trình đó.

Nhằm kiểm soát, đảm bảo và quản lý tốt chất lượng của các sản phẩm cung cấp cho người học, Trường xây dựng hệ thống văn bản, bao gồm Cẩm nang chất lượng và 06 thủ tục bắt buộc của ISO. Hệ thống văn bản này bao gồm các tài liệu sau:

- Sứ mạng và mục tiêu phát triển của Trường;

- Chính sách và mục tiêu chất lượng;

- Bảng kê các văn bản pháp quy bên ngoài liên quan đến công tác quản lý đào tạo của Trường;



- Bảng kê các văn bản do Trường ban hành nhằm phục vụ công tác quản lý điều hành nội bộ, kể cả các quy trình, thủ tục, quy chế, quy định, hướng dẫn, quyết định, tiêu chuẩn, v.v... liên quan đến hoạt động của các đơn vị;

- Bảng phân công trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ;

- Bảng kê các mẫu biểu do các đơn vị xây dựng và áp dụng nhằm phục vụ công tác tổ chức, hoạt động của đơn vị;

- Bảng quy định về trách nhiệm và quyền hạn của các chức danh;

- Bảng tổng hợp năng lực của giảng viên ứng với từng hệ ngành đào tạo;

- Bảng tổng hợp năng lực của cán bộ phục vụ giảng dạy;

- Bảng kế hoạch chất lượng ứng với từng hệ ngành đào tạo, bao gồm cả đề cương chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra;

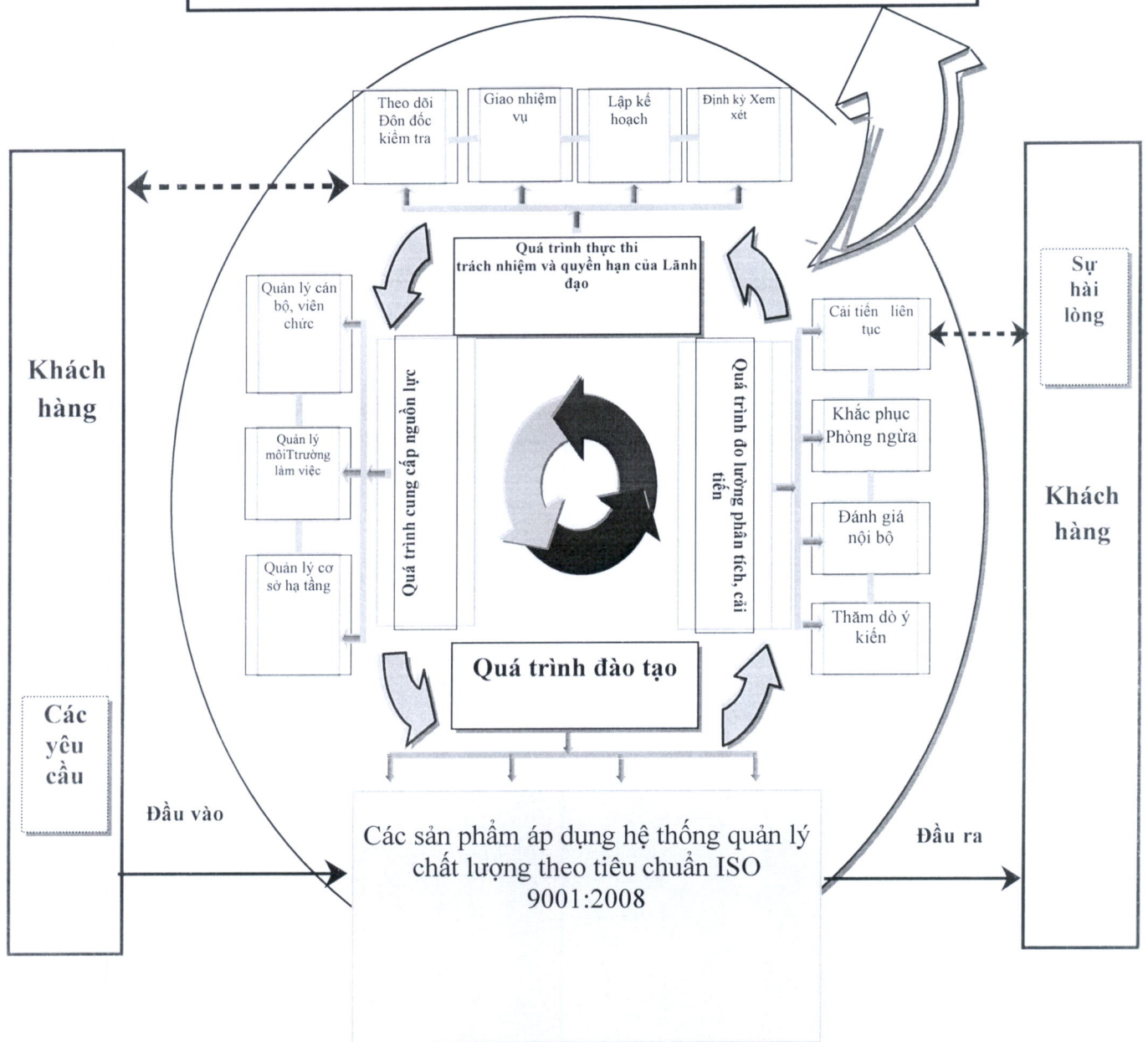
- Các biểu mẫu thực hiện sáu thủ tục bắt buộc của tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

- Sáu thủ tục dạng văn bản theo yêu cầu của ISO bao gồm:

- Thủ tục về kiểm soát tài liệu;
- Thủ tục về kiểm soát hồ sơ;
- Thủ tục về kiểm soát sự không phù hợp;
- Thủ tục về đánh giá nội bộ;
- Thủ tục về hành động khắc phục;
- Thủ tục về hành động phòng ngừa.

2. Sơ đồ về mối liên hệ giữa các nội dung của lĩnh vực quản lý

**HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CỦA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



Ghi chú:



Hoạt động gia tăng giá trị



Dòng thông tin

DANH MỤC HỆ THỐNG TÀI LIỆU BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

STT	TÊN TÀI LIỆU	KÝ HIỆU	Phòng TC - HC	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Phòng QL Đào tạo & NCKH	Phòng Quản trị CSVC	Phòng HT, QHDN & Thư viện	Phòng Công tác HSSV & TT-GD	Phòng Khảo thí & ĐBCL	Trạm Y tế	Khoa CNTT	Khoa CƠ KHÍ – Ô Tô	Khoa Kinh tế	Khoa TKT & CSSD	Khoa Điện CN & DD	Khoa Ngoại Ngữ	Khoa Cơ Bản	Khoa Điện - TDH	Trung tâm ĐTX, TS & KN
1.	Sổ tay bảo đảm chất lượng		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.	Chính sách chất lượng và Mục tiêu chất lượng		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3.	Quy trình cử giảng viên, nhân viên đi học sau đại học	QT04/TCHC	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
4.	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	QT05/ TCHC	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5.	Tuyển dụng viên chức	QT06/ TCHC	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6.	Đánh giá xếp loại chất lượng VC hàng năm	QT18/TCHC	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

[illegible]

18.	Tiếp nhận tình nguyện viên, CG người NN	QT04/HTQT & QHDN	X	X		X	X			X	X	X	X	X	X	X		X	
19.	Ký kết các văn bản hợp tác quốc tế	QT05/HTQH DN&TV	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X		X	X
20.	Dịch thuật tài liệu	QT06/HTQH DN&TV	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
21.	Giảng viên thực tập tại doanh nghiệp	QT07/HTQH DN&TV					X				X	X	X	X	X	X	X	X	
22.	Khảo sát Doanh nghiệp sử dụng lao động	QT08/HTQH DN&TV					X		X		X	X	X	X	X	X	X	X	
23.	Khảo sát cựu HSSV	QT09/HTQH DN&TV					X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	
24.	Bổ sung tài liệu	QT10/HTQH DN&TV	X	X	X						X	X	X	X	X	X	X	X	
25.	Mượn - Trả tài liệu	QT11/HTQH DN&TV	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
26.	In và phát hành thẻ	QT12/HTQH DN&TV									X	X	X	X	X	X	X	X	
27.	Thanh lý tài liệu	QT13/HTQH DN&TV	X	X	X						X	X	X	X	X	X	X	X	
28.	Biên mục tài liệu	QT14/HTQH DN&TV									X	X	X	X	X	X	X	X	
29.	Tiếp nhận tài liệu Biểu/tặng	QT15/HTQH DN&TV	X	X							X	X	X	X	X	X	X	X	



30.	Thực hiện công tác tuyển sinh	QT01/TTĐT TX,TS-KN	X		X	X					X	X	X	X	X	X	X	X	X
31.	Xây dựng quy chế tuyển sinh	QT02/TTĐT TX,TS-KN	X	X	X	X	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
32.	Tiếp nhận đăng ký tuyển sinh	QT03/TTĐT TX,TS-KN	X	X	X			X											X
33.	Quy trình tổ chức, quản lý lớp đào tạo trình độ sơ cấp	QT04/TTĐTT X,TS-KN	X	X							X	X	X	X	X	X	X	X	X
34.	Quy trình thực hiện công tác đào tạo thường xuyên	QT05/TTĐTT X,TS-KN	X	X							X	X	X	X	X	X	X	X	X
35.	Quy trình liên kết, tổ chức, quản lý các khóa đào tạo ngắn hạn	QT06/TTĐTT X,TS-KN	X	X							X	X	X	X	X	X	X	X	X
36.	Xây dựng, thẩm định và ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo	QT01/P.QLĐ T&NCKH	X	X	X						X	X	X	X	X	X	X	X	X
37.	Rà soát, hiệu chỉnh, thẩm định và ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo	QT02/P.QLĐ T&NCKH	X	X	X						X	X	X	X	X	X	X	X	X
38.	Rà soát, biên soạn, lựa chọn, hiệu chỉnh và sử dụng giáo trình đào tạo	QT03/P.QLĐ T&NCKH	X	X	X						X	X	X	X	X	X	X	X	
39.	Xây dựng thời khóa biểu	QT04/P.QLĐ T&NCKH	X	X	X	X		X			X	X	X	X	X	X	X	X	

40.	Mời giảng và quản lý giảng viên mời giảng	QT05/P.QLĐ T&NCKH	X	X	X				X		X	X	X	X	X	X	X	X	
41.	Thực tập tốt nghiệp bậc trung cấp và cao đẳng	QT06/P.QLĐ T&NCKH			X				X		X	X	X	X	X	X		X	
42.	Xét điều kiện dự thi tốt nghiệp bậc trung cấp	QT07/P.QLĐ T&NCKH	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	X		X	X	
43.	Xét và công nhận TN bậc trung cấp (theo niên chế)	QT08/P.QLĐ T&NCKH	X		X	X		X	X		X	X	X	X	X		X	X	
44.	Xét tốt nghiệp bậc Cao đẳng, trung cấp (Tín chỉ)	QT09/P.QLĐ T&NCKH	X		X			X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	
45.	Quản lý, Cấp phát văn bằng tốt nghiệp	QT10/P.QLĐ T&NCKH	X	X	X			X			X	X	X	X	X	X		X	
46.	Tổ chức và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học Cấp trường	QT11/P.QLĐ T&NCKH	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
47.	Tổ chức và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học Cấp Khoa	QT12/P.QLĐ T&NCKH	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
48.	Tổ chức và thực hiện nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên	QT13/P.QLĐ T&NCKH	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X
49.	Tổ chức hội thảo khoa học	QT14/P.QLĐ T&NCKH	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X

50.	Khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	QT01/KT&Đ BCL							X		X	X	X	X	X	X	X	X	
51.	Khảo sát cải tiến chất lượng	QT02/KT&Đ BCL	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
52.	Cung cấp cơ sở dữ liệu KĐCL GDNN	QT03/KT&Đ BCL	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
53.	Rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh Báo cáo Tự đánh giá	QT04/KT&Đ BCL	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
54.	Thu thập minh chứng cho hoạt động TĐG	QT05/KT&Đ BCL	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
55.	Thực hiện cải tiến chất lượng theo tiêu chuẩn KĐCLGDNN	QT06/KT&Đ BCL	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
56.	Kiểm soát mục tiêu chất lượng trường	QT07/KT&Đ BCL	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
57.	Soạn đề thi	QT08/KT&Đ BCL			X				X		X	X	X	X	X	X	X	X	
58.	Coi thi	QT09/KT&Đ BCL			X				X		X	X	X	X	X	X	X	X	
59.	Chấm thi	QT10/KT&Đ BCL			X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
60.	Tổ chức thi tốt nghiệp	QT11/P.KT&Đ BCL			X	X		X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	

61.	Tự đánh giá chất lượng	QT12/KT&Đ BCL	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	
62.	Đánh giá hệ thống Đảm bảo chất lượng	QT13/KT&Đ BCL	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
63.	Kiểm soát thu	QT01/ P.KHTC	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
64.	Kiểm soát chi (tiền mặt, ngân hàng, kho bạc)	QT02/ P.KHTC	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
65.	Quản lý thu – Chi hoạt động dịch vụ	QT03/ P.KHTC	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
66.	Quản lý thu – Chi học phí	QT04/ P.KHTC	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
67.	Tổ chức Tuần sinh hoạt công dân.	QT01/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
68.	Tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo trường với HSSV	QT02/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
69.	Tổ chức thực hiện công tác chủ nhiệm	QT05/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
70.	Phòng chống tệ nạn xã hội trong HSSV	QT11/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
71.	Phòng chống tội phạm trong HSSV	QT12/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
72.	Ra quyết định công nhận cán bộ lớp	QT14/CTHS SV-TTrGD	X	X	X		X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X

73.	Khen thưởng HSSV	QT15/CTHS SV-TTrGD	X	X	X		X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X
74.	Kỷ luật HSSV	QT16/CTHS SV-TTrGD	X	X	X		X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X
75.	Bảo lưu KQ học tập, rèn luyện của HSSV	QT17/CTHS SV-TTrGD	X	X	X		X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X
76.	Giải quyết cho HSSV bảo lưu nhập học lại	QT18/CTHS SV-TTrGD	X	X	X		X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X
77.	Giải quyết cho HSSV rút hồ sơ	QT19/CTHS SV-TTrGD	X	X	X		X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X
78.	Ra quyết định xóa tên HSSV	QT20/CTHS SV-TTrGD	X	X	X		X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X
79.	Giải quyết cho HSSV chuyển trường	QT21/CTHS SV-TTrGD	X	X	X		X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X
80.	Thực hiện thông kê dữ liệu liên quan đến HSSV	QT22/CTHS SV-TTrGD	X	X	X		X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X
81.	Giải quyết đơn thư khiếu nại liên quan đến công tác HSSV	QT23/CTHS SV-TTrGD	X	X	X		X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X
82.	Cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh sinh viên	QT24/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
83.	Xét cấp học bổng xã hội	QT25/CTHS SV-TTrGD	X	X	X			X			X	X	X	X	X	X	X	X	



84.	Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên	QT26/CTHS SV-TTrGD	X	X	X			X			X	X	X	X	X	X	X	X	
85.	Thanh Tra Kiểm tra chuyên đề, toàn diện	QT01/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
86.	Kiểm tra, giám sát hoạt động thi	QT02/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
87.	Thanh kiểm tra thường xuyên	QT03/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
88.	Sơ cứu khám chữa bệnh ban đầu	QT01/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
89.	Mua thuốc	QT02/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
90.	Hủy thuốc	QT03/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
91.	Lập hồ sơ thanh toán bảo hiểm tai nạn	QT04/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
92.	Khám sức khỏe CB-GV-VC	QT05/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
93.	Lưu mẫu thực phẩm y tế	QT06/CTHS SV-TTrGD	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
94.	Quy trình quản lý xưởng	QT01/CK-OT									X	X	X	X	X	X	X	X	

